CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

KHO BỒI KÝ

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

Ngô Kim Vinh

Châu Thành, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC BẢNG 4
DANH MỤC HÌNH 5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 6
1.1. Tên chủ cơ sở: 6
1.2. Tên cơ sở: 6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở: 7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: 7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở: 8
1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: 8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở: 8
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng: 9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước: 9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: 9
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở: 9
1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở: 10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 12
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 12
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 12
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 18
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải: 18
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 18
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: 19
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: 21
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: 22
3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt: 22
3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: 22
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 23

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 25
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 27
5.1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải: 27
5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với môi trường không khí, tiếng ồn: 27
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ... 30
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 30
6.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: 30
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải: 30
6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: 31
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm..... 31
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 32
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 33
PHỤ LỤC KÈM THEO 34

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
NĐ	Nghị định
NM	Nước mặt
MTV	Một thành viên
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở phân phối trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.....8
Bảng 1.2. Nhu cầu về về nguyên liệu tại cơ sở.....8
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình tại cơ sở 9
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở 11
Bảng 2.1. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}).....13
Bảng 2.2. Tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn}) 14
Bảng 2.3. Kết quả phân tích các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải đầu ra 15
Bảng 2.4. Tải lượng các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải 15
Bảng 2.5. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của kênh Tập Đoàn 1 16
Bảng 3.1. Tổng hợp thông số công trình xử lý nước thải tại cơ sở.....21
Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTRCNTT.....22
Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH.....23
Bảng 3.4. Danh mục trang thiết bị PCCC tại cơ sở.....24
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép 25
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép 26
Bảng 5.1. Thành phần, khối lượng môi trường quan trắc tại cơ sở 27
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt.....27
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở.....28
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.....28
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải tại cơ sở.....30
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.....30
Bảng 6.3. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở.....31

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1.1. Ảnh vệ tinh vị trí của cơ sở.....6
Hình 1.2. Quy trình nhập – xuất hàng hóa tại cơ sở.....7
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa 18
Hình 3.2. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở 20

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký.
- Địa chỉ văn phòng: Số 41, Nguyễn Thiện Thành, ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Ngô Cẩm Vinh, chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0859.800888.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2100620868 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp đăng ký lần đầu ngày 19/4/2017.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **KHO BỒI KÝ**
- Địa điểm cơ sở: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, với tổng diện tích thực hiện khoảng 1.922,80 m^2 (thuộc thửa đất số 889, 890, 891, 911, 964 tờ bản đồ số 39). Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:
  + Phía Nam: giáp đường Nguyễn Thiện Thành;
  + Phía Bắc: giáp kênh Tập Đoàn 1;
  + Phía Đông: giáp đất trống của hộ dân;
  + Phía Tây: giáp nhà kho của hộ dân.

Hình 1.1. *Ảnh vệ tinh vị trí của cơ sở*

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 5, Điều 8 và khoản 4 Điều 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14[1]; tổng vốn đầu tư của cơ sở là 3,0 tỷ đồng (Ba tỷ đồng): thuộc **NHÓM C**.
+ Căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP[2], ngày 10/01/2022 của Chính phủ: thuộc **NHÓM III**.
+ Căn cứ khoản 2, Điều 39 và khoản 4, Điều 41 của Luật BVMT số 72/2020/QH14[3] thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng TN&MT huyện Châu Thành thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất hoạt động của cơ sở là khối lượng hàng hóa phân phối trên địa bàn, khoảng 4,9 tấn sản phẩm/tháng, với tổng diện tích kho chứa khoảng 1.112,8 m^2.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Loại hình của cơ sở là phân phối hàng hóa tiêu dùng, hàng hóa được đóng gói sẵn theo quy cách của nhà sản xuất. Do đó, công nghệ sản xuất của cơ sở là quá trình nhập – xuất hàng hóa. Quy trình nhập – xuất hàng hóa được mô tả theo hình sau:

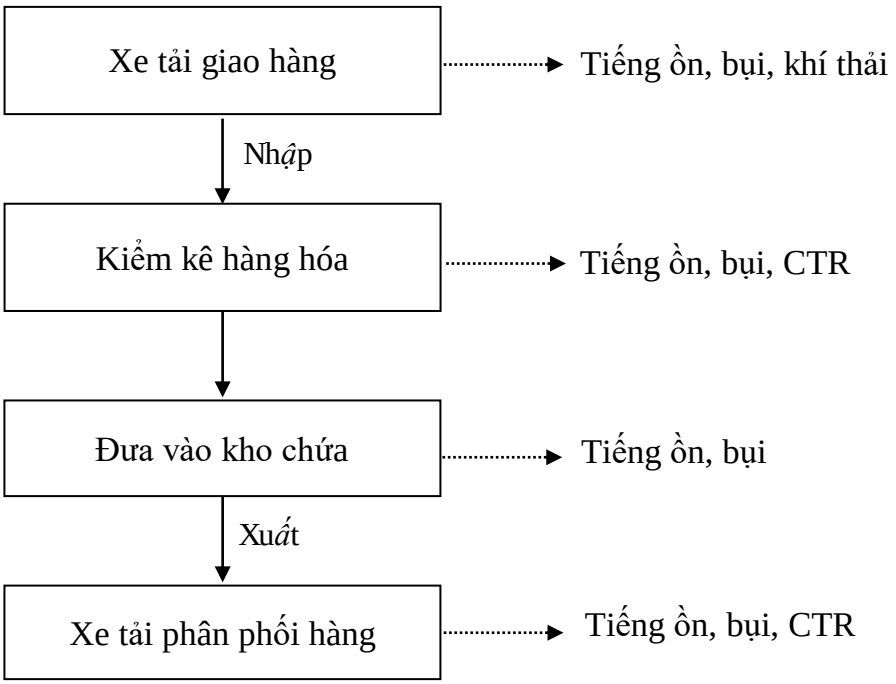

Hình 1.2. Quy *trình nhập – xuất hàng hóa tại cơ sở*

[1] Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019.
[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.
[3] Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

❖ **Thuyết minh quy trình:**

Hàng hóa được xe tải (tải trọng từ 3,2 tấn - 6,5 tấn) từ các nhà máy sản xuất tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tp.HCM vận chuyển về đến cơ sở. Sau đó, hàng hóa được công nhân kiểm tra về số lượng và tiêu chuẩn (hàng hóa đạt tiêu chuẩn là hàng hóa còn hạn sử dụng, còn nguyên bao bì đóng gói). Hàng hóa không đạt tiêu chuẩn sẽ được trả lại cho nhà cung cấp. Hàng hóa đạt tiêu chuẩn sẽ đưa vào các khu vực chứa bên trong kho chứa với diện tích các khu vực chứa khoảng 1.112,8 m^2. Theo từng đơn đặt hàng, hàng hóa sẽ được xuất kho và đưa lên xe tải của cơ sở (xe có tải trọng 2,4 tấn, 3,8 tấn và 3,9 tấn) phân phối đến các đầu mối kinh doanh, buôn bán tại các chợ xã, huyện trong tỉnh Trà Vinh.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là khối lượng hàng hóa phân phối trên địa bàn, với tổng khối lượng ước tính khoảng 1.446,9 tấn/năm.

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở phân phối trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Khu vực phân phối
1	Bột ngọt Vedan	Tấn/năm	720,0	Khu vực các chợ xã, huyện trong tỉnh Trà Vinh
2	Bột giặt NET		480,0	
3	Mì, hủ tíu, phở đóng gói Gấu đỏ		113,4	
4	Hộp cá mồi 3 cô gái		100,0	
5	Tả Huggies		13,5	
6	Các sản phẩm nhỏ lẻ khác (bánh kẹo, sữa chua, tập, sách giáo khoa, viết,…)		20,0	
Tổng cộng		**Tấn/năm**	**1.446,9**	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở

Nhu cầu về nguyên liệu của cơ sở là chủng loại hàng hóa nhập về phân phối trên địa bàn với khối lượng tùy thuộc vào nhu cầu tiêu thụ hàng hóa của người dân và nguồn cung ứng trên thị trường. Ước tính nhu cầu nguyên liệu nhập về tại cơ sở trong năm gần nhất được trình bày theo bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu về về nguyên liệu tại *cơ sở*

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Bột ngọt Vedan	Tấn/năm	864,00	
2	Bột giặt NET		576,00	

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
3	Mì, hủ tíu, phở đóng gói Gấu đỏ		136,08	Các nhà máy sản xuất tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tp. HCM
4	Hộp cá mồi 3 cô gái		120,00	
5	Tả Huggies		16,20	
6	Các sản phẩm nhỏ lẻ khác (bánh kẹo, sữa chua, tập, sách giáo khoa, viết,…)		24,00	
Tổng cộng		**Tấn/năm**	**1.736,28**	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng

- Nguồn cung cấp điện năng: từ mạng lưới điện quốc gia.
- Nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho các hoạt động văn phòng, chiếu sáng tại cơ sở. Lượng điện tiêu thụ trung bình khoảng 1.000 kWh/tháng.
- Ngoài ra, chủ cơ sở còn trang bị thêm 01 động cơ diesel RV125-2 dùng để chạy máy phát điện với công suất định mức đạt 10.5/2200 (mã lực/vòng/phút) chỉ vận hành trong trường hợp cần thiết khi mất điện. Nhiên liệu sử dụng là dầu DO với nhu cầu sử dụng khoảng 2,26 lít/giờ.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp nước: từ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.
- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: dựa theo hóa đơn tiền nước tại cơ sở trong 03 tháng gần nhất (tháng 8/2022- tháng 10/2022) thì khối lượng nước tiêu thụ tại cơ sở khoảng 2,4 m^3/ngày.đêm. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân viên (trong đó có 01 nhân viên lưu trú) và nước cấp cho mục đích tưới cây, rửa sân đường.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được xây dựng trên tổng diện tích là 1.922,80 m^2 với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình tại cơ sở

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
I	**Hạng mục công trình chính**	**1.267,95**	**65,94**
1	Khu vực tiếp khách	15,58	0,81

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
2	Phòng làm việc	45,00	2,34
3	Phòng họp	40,00	2,08
4	Khu vực kho chứa	1.112,80	57,87
5	Nhà bảo vệ	8,00	0,42
6	Khu vực bếp	15,46	0,80
7	Phòng nghỉ	31,11	1,62
II	**Hạng mục công trình phụ**	**633,11**	**32,93**
1	Nhà xe	32,00	1,66
2	Khu vực đặt máy phát điện	0,50	0,03
3	Sân đường nội bộ	600,61	32,93
4	Hệ thống cấp nước	-	-
5	Hệ thống cấp điện	-	-
6	Cây xanh	-	-
III	**Hạng mục công trình BVMT**	**21,74**	**1,13**
1	Nhà vệ sinh + Hầm tự hoại 03 ngăn (01 hầm)	8,74	0,45
2	Khu vực chứa CTNH	2,00	0,10
3	Khu vực XLNT	3,00	0,16
4	Khu vực lưu chứa CTRCNTT	8,00	0,42
Tổng cộng (I + II + III)		**1.922,80**	**100,00**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 3,0 tỷ đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng), nguồn vốn từ 100% của chủ cơ sở.
- Thời gian hoạt động của cơ sở: từ 7h00 – 17h00 cùng ngày.
- Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

*Bảng 1.*4. N*hu cầu sử dụng lao động tại cơ sở*

Stt	Vị trí lao động	Số lượng
1	Giám đốc	01
2	Bộ phận văn phòng	08
3	Bộ phận kho	08
4	Tài xế	03
Tổng cộng (1 + 2 + 3 + 4)		**20**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Phát triển thương mại trong nước trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng. Vì vậy, cơ sở "Kho Bồi Ký" của Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký hoạt động là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cụ thể:

- Cơ sở hoạt động góp phần phát triển ngành thương mại – dịch vụ trong tỉnh, đa dạng hóa nguồn cung ứng các sản phẩm hàng hóa, phù hợp với định hướng phát triển thương mại - dịch vụ trong nước theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045". Ngoài ra, cơ sở hoạt động còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 14/2020/NQ-UBND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025;

- Về vị trí của cơ sở: cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 1.922,80 m^2 (thuộc thửa đất số 889, 890, 891, 911, 964 tờ bản đồ số 39), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, trong đó có 375 m^2 là đất ở và 1.547,80 m^2 là đất chuyên trồng lúa nước. Chủ cơ sở cam kết sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất ở trong vòng 05 năm (từ năm 2023 - năm 2027). Vì vậy, vị trí xây dựng của cơ sở là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở có hoạt động xả nước thải đã qua xử lý vào nguồn tiếp nhận (kênh Tập Đoàn 1). Do đó, sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT[4] và Điều 4, Điều 82, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT[5]. Trình tự đánh giá khả năng tiếp nhận của nguồn nước mặt kênh Tập Đoàn 1, như sau:

- Xác định đoạn kênh cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là kênh Cả Cần 2. Dòng chảy kênh bắt đầu từ kênh Kỳ La và kết thúc tại kênh Cả Cần 3. Kênh có tổng chiều dài khoảng 1,11 km, chiều rộng khoảng 3,0 - 3,5 m, độ sâu khoảng 3,0 m. Đoạn kênh đánh giá có chiều dài khoảng 0,13 km.

- Mục đích sử dụng nước của kênh Tập Đoàn 1: tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt tại kênh Tập Đoàn 1 phục vụ cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước thấp.

[4] Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.
[5] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xác định thông số đánh giá: các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn theo quy định tại Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT[6]. Các thông số được lựa chọn để đánh giá là: BOD_5, COD, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, PO_4^{3-}-P.

- Xác định phương pháp đánh giá: lựa chọn phương pháp đánh giá gián tiếp (theo Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017). Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn kênh và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất ô nhiễm.

2.2.1. Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

- Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$

Trong đó:

+ L_{td}: tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt tại kênh Tập Đoàn 1 (kg/ngày).
+ C_{qc}: giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B_1 (mg/L).
+ Q_s: lưu lượng dòng chảy của đoạn kênh đánh giá (m^3/s). Theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND, ngày 14/02/2019, Quyết định về phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đối với kênh cấp III (lưu lượng tối thiểu từ 2,0 m^3/s – 5,0 m^3/s), chọn lưu lượng ở mức trung bình 2,0 m^3/s.
+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/L, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

*Bảng 2.*1. T*ải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})*

Stt	Thông số	C_{qc} (mg/L)	Q_s (m^3/s)	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	BOD_5	15	2,0	86,4	2.592,00
2	COD	30	2,0	86,4	5.184,00
3	TSS	50	2,0	86,4	8.640,00
4	NH_4^+-N	0,9	2,0	86,4	155,52
5	NO_3^--N	10	2,0	86,4	1.728,00
6	PO_4^{3-}-P	0,3	2,0	86,4	51,84

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

[6] QCVN 08-MT:2015/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

2.2.2. Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

- Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_S \times 86,4$

Trong đó:

+ L_{nn}: tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có của kênh Tập Đoàn 1 (kg/ngày).
+ C_{nn}: kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt (mg/L);
+ Q_S: lưu lượng dòng chảy của đoạn kênh đánh giá (m^3/s). Chọn mức lưu lượng đánh giá là 2,0 m^3/s;
+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/L, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 2.2. Tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

Stt	Thông số	C_{nn} (mg/L)	Q_s (m^3/s)	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	BOD_5	7	2,0	86,4	1.209,60
2	COD	14	2,0	86,4	2.419,20
3	TSS	20,0	2,0	86,4	3.456,00
4	NH_4^+-N	0,28	2,0	86,4	48,38
5	NO_3^--N	0,07	2,0	86,4	12,10
6	PO_4^{3-}-P	0,11	2,0	86,4	19,01

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

2.2.3. Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

- Nguồn thải vào đoạn kênh bao gồm nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên, tương ứng là $\mathbf{L_t}$, $\mathbf{L_d}$ và $\mathbf{L_n}$. Công thức xác định tổng tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải:

$$\mathbf{L_{tt} = L_t + L_d + L_n}$$

Trong đó:

+ L_{tt}: tổng tải lượng các thông số ô nhiễm có trong nguồn thải (kg/ngày).
+ L_t: tải lượng nguồn thải điểm (kg/ngày).
+ L_d: tải lượng nguồn thải diện (kg/ngày).
+ L_n: tải lượng nguồn thải tự nhiên (kg/ngày).

Trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp GPMT chỉ tính cho một nguồn thải điểm duy nhất của cơ sở. Như vậy, có thể xem như giá trị tải lượng của $L_d = L_n = 0$ và $L_{tt} = L_t$

- Công thức xác định nguồn thải điểm: **$L_t = C_t$ x Q_t x 86,4**

Trong đó:

+ C_t: kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn kênh (mg/L);
+ Q_t: lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn kênh, đơn vị tính là m^3/s;
+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/L, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Đoạn kênh tiếp nhận nguồn nước thải sinh hoạt từ cơ sở với lưu lượng xả thải tối đa 1,92 m^3/ngày.đêm, Q_t = 0,0000222 m^3/s. Do cơ sở đang cải tạo lại hệ thống thu gom và xử lý nước thải, vì thế kết quả phân tích các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải đầu ra được lấy theo giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT[7], cột B, hệ số K = 1,2 làm kết quả phân tích các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn kênh (C_t=C_{qc}).

Bảng 2.3. Kết quả phân tích các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải đầu ra

Stt	Thông số	C_{qc} (mg/L) QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, hệ số K = 1,2	C_t (mg/L)
1	BOD_5	60	60
2	COD	-	-
3	TSS	120	120
4	NH_4^+-N	12	12
5	NO_3^--N	50	50
6	PO_4^{3-}-P	12	12

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Ghi chú: (-)*: chỉ tiêu không quy định trong QCVN 14:2008/BTNMT*.

Bảng 2.4. Tải lượng các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

Stt	Thông số	C_t (mg/L)	Q_t (m^3/s)	Hệ số thứ nguyên	L_t (kg/ngày)
1	BOD_5	60	0,0000222	86,4	0,1150848
2	COD	-	0,0000222	-	-
3	TSS	120	0,0000222	86,4	0,2301696
4	NH_4^+-N	12	0,0000222	86,4	0,02301696

[7] QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số	C_t (mg/L)	Q_t (m^3/s)	Hệ số thứ nguyên	L_t (kg/ngày)
5	NO_3^--N	50	0,0000222	86,4	0,095904
6	PO_4^{3-}-P	12	0,0000222	86,4	0,02301696

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

2.2.1. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận, phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau

- Công thức đánh giá: $L_{tn} = (L_{td} – L_{nn} – L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$

Trong đó:

+ L_{tn}: khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải với từng thông số ô nhiễm (kg/ngày);

+ L_{td}: tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn kênh (kg/ngày);

+ L_{nn}: tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn kênh (kg/ngày);

+ L_{tt}: tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn thải (kg/ngày);

+ F_s: hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,3 – 0,7;

+ NP_{td}: Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn kênh (kg/ngày). Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này. (Trong trường hợp này này BOD_5, COD, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, PO_4^3-P khi phản ứng của cơ chế làm sạch tự nhiên đều làm giảm nồng độ chất ô nhiễm. Do đó, có thể chọn giá trị NP_{td} =0).

Khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của nguồn tiếp nhận được trình bày theo bảng sau:

Bảng 2.5. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của kênh *Tập Đoàn 1*

Stt	Thông số	L_{td}	L_{nn}	L_{tt}	$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_S$	
					$F_s = 0,3$	$F_s = 0,7$
1	BOD_5	2.592,00	1.209,60	0,1150848	414,69	967,60
2	COD	5.184,00	2.419,20	-	829,44	1.935,36
3	TSS	8.640,00	3.456,00	0,2301696	1.555,13	3.628,64
4	NH_4^+-N	155,52	48,38	0,02301696	32,13	74,98

Stt	Thông số	L_{td}	L_{nn}	L_{tt}	$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_S$	
					$F_s = 0,3$	$F_s = 0,7$
5	NO_3^--N	1.728,00	12,10	0,095904	514,74	1.201,07
6	PO_4^{3-}-P	51,84	19,01	0,02301696	9,84	22,97

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Theo kết quả từ bảng trên cho thấy, các thông số đánh giá đều có giá trị L_{tn} >0. Vì vậy, nguồn tiếp nhận có khả năng tiếp nhận 6/6 thông số đánh giá.

→ Như vậy, đoạn kênh Tập Đoàn 1 được đánh giá với mục đích sử dụng nước phục vụ cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước thấp, lưu lượng dòng chảy 2,0 m^3/s, tại thời điểm đánh giá nguồn nước mặt còn đủ khả năng tiếp nhận tải lượng các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải sau xử lý của cơ sở, chất lượng nước thải đầu ra đạt theo QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1,2, với lưu lượng xả thải khoảng 1,92 m^3/ngày.đêm.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:

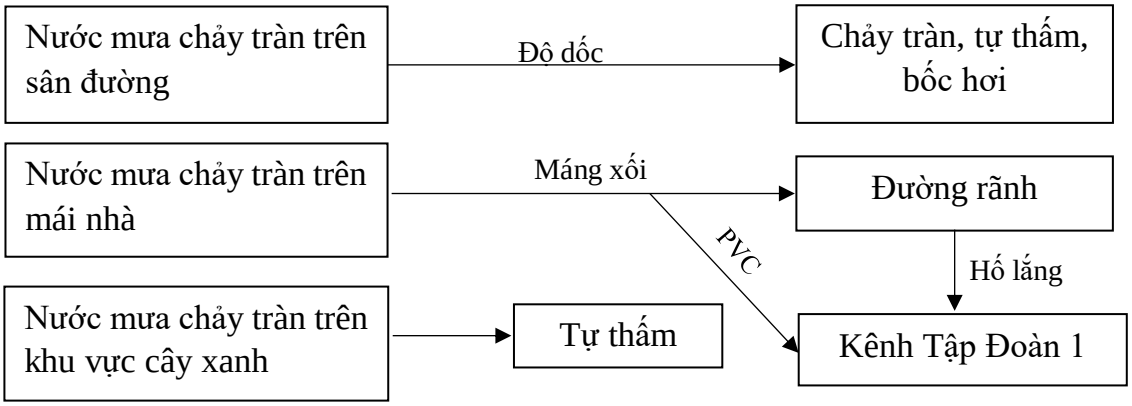

Hình 3.1. *Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa*

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường, một phần tự thấm trên bề mặt, một phần chảy tràn trên bề mặt theo độ dốc thoát ra môi trường xung quanh.

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom và thoát theo 02 công trình như sau::

* <u>Công trình 1:</u>

+ Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom bằng máng xối làm bằng BTCT, bố trí dọc mái nhà, kích thước lòng máng (rộng x sâu) là (0,45x0,30) m.
+ Nước mưa từ máng xối dẫn xuống đường rãnh thu gom và thoát nước mưa bằng đường ống nhựa PVC Þ90, đường rãnh thu gom và thoát nước có kích thước (rộng x sâu) là (0,45x0,5) m, bằng bê tông, đặt âm dưới đất.
+ Trên đường rãnh có bố trí 03 hố lắng kích thước mỗi hố (dài x rộng x sâu) là (0,6x0,6x1,2) m. Đoạn ống thoát nước từ hố lắng cuối cùng ra kênh Tập Đoàn 1 là ống nhựa PVC Þ220, chiều dài đoạn ống khoảng 1,5 m.
+ Điểm thoát nước mưa 1: X(m): 1097803, Y(m): 593999 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30, múi chiếu 3^0), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

* <u>Công trình 2:</u>

+ Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom bằng máng xối làm bằng tole kẽm, bố trí dọc mái nhà, kích thước lòng máng (rộng x sâu) là (0,30x0,25) m.

+ Nước mưa từ máng xối theo độ dốc dẫn xuống mặt đất qua ống nhựa PVC Þ180 và thoát ra kênh Tập Đoàn 1.
+ Điểm thoát nước mưa 2: X(m): 1097809, Y(m): 594036 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30, múi chiếu 3^0), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Nước mưa chảy tràn trên cây xanh được thoát ra môi trường bên ngoài theo hình thức tự thấm.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải: Nhà vệ sinh, diện tích xây dựng khoảng 8,74 m^2, kết cấu tường bao, nền lát gạch.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống công trình xử lý sẽ thoát ra kênh Tập Đoàn 1 theo đường ống nhựa PVC Þ114, chiều dài đoạn ống xả thải khoảng 1,5 m.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:
  + Vị trí xả thải: X(m): 1097808, Y(m): 594033 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30, múi chiếu 3^0), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
  + Phương thức xả thải: tự chảy.
  + Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Tập Đoàn 1. Cơ quan quản lý công trình thủy lợi: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành.
  + Yêu cầu BVMT đối với công trình thủy lợi: xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

(Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải tại cơ sở được đính kèm tại Phụ lục)

3.1.3. Xử lý nước thải

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 1,92 m^3/ngày.đêm (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80 % lượng nước cấp sinh hoạt) sẽ được thu gom và đưa về công trình xử lý nước thải bằng công nghệ xử lý sinh học yếm khí. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:

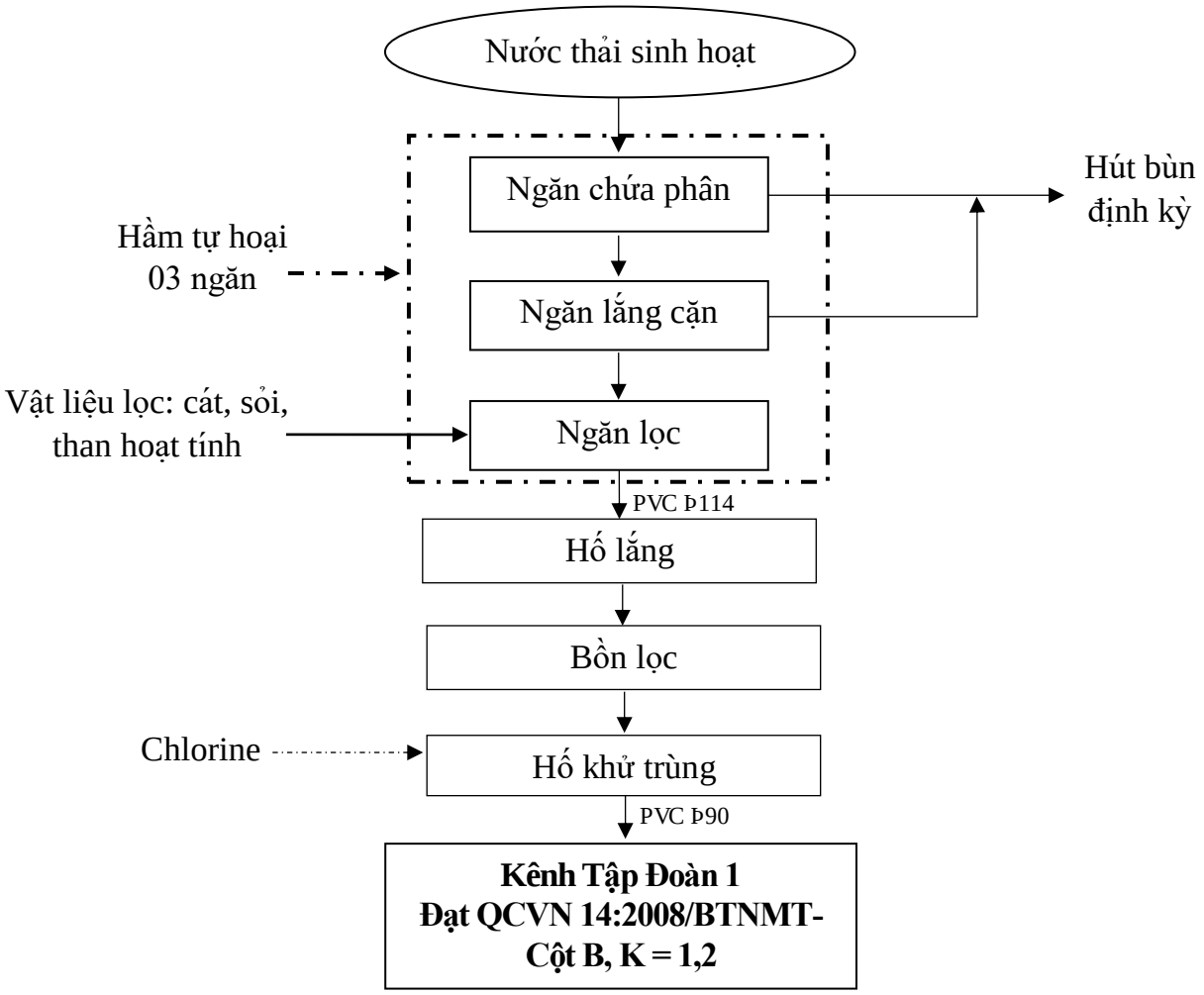

Hình 3.2. Q*uy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở*

*** Thuyết minh quy trình:**

Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh, sau đó được dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ. Hầm tự hoại 03 ngăn tại cơ sở có thể tích 8,0 m^3, bằng bê tông, với chức năng lắng cặn - phân hủy cặn - lọc nước. Quá trình xử lý chủ yếu trong bể tự hoại là quá trình phân hủy kỵ khí. Các chất rắn lơ lửng sau khi lắng xuống đáy được hệ vi sinh vật kỵ khí ở đây lên men, phân hủy tạo thành NH_4, H_2S,… Hiệu quả xử lý các chất ô nhiễm bằng hầm tự hoại: giảm khoảng 60 – 65 % hàm lượng BOD, 70 – 80 % SS so với đầu vào. Nước thải sau hầm tự hoại theo đường ống nhựa PVC Þ114 dẫn về hố lắng.

Hố lắng: tại cơ sở có 04 hố lắng, bằng bê tông, với thể tích 03 hố là 0,432 m^3 và thể tích hố lắng cuối cùng là 0,768 m^3. Chức năng của hố lắng là giúp loại bỏ một phần cặn có kích thước lớn sau hầm tự hoại. Nước thải sau khi lần lượt đi qua các hố lắng sẽ được bơm về bồn lọc để xử lý, công suất máy bơm là 0,37 kW.

Bồn lọc: số lượng 01 bồn, bằng nhựa composite, với thể tích khoảng 1,5 m^3, với chức năng dùng để loại bỏ các chất ô nhiễm còn sót lại sau hố lắng. Tại đây, nước thải lần lượt đi qua các lớp vật liệu lọc theo chiều từ trên xuống như sau: lớp cát lọc dày 200mm → lớp than hoạt tính dày 200mm → lớp sỏi lọc dày 150mm → lớp sỏi đỡ dày 200mm. Nước thải sau lọc sẽ chảy về hố khử trùng.

Hố khử trùng: có thể tích là 1,0 m^3, bằng bê tông, với chức năng loại bỏ các vi sinh vật có hại còn lại trong nguồn nước thải. Hóa chất sử dụng là Chlorine với liều lượng khoảng 0,768 kg/ngày, tương đương 23,04 kg/tháng. Nước thải sau khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2 và thoát ra kênh Tập Đoàn 1 bằng đường ống nhựa PVC Ø90.

*Bảng 3.*1. *Tổng hợp thông số c*ông t*rình xử lý nước thải tại cơ sở*

Stt	Hạng mục	Kích thước (Dài x Rộng x Sâu)	Thể tích (m^3)	Kết cấu	Ghi chú
1	Hầm tự hoại 03 ngăn	-	8,0	Bê tông	Giữ nguyên hiện trạng
2	Hố lắng (03 hố)	(0,6x0,6x1,2) m	0,432	Bê tông	Giữ nguyên hiện trạng
3	Hố lắng (01 hố)	(0,8x0,8x1,2) m	0,768	Bê tông	Giữ nguyên hiện trạng
4	Bồn lọc	-	1,5	Nhựa composite	Lắp đặt mới
5	Hố khử trùng	(1,0x1,0x1,0) m	1,0	Bê tông	Xây mới

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở. Một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tác động đến môi trường xung quanh được áp dụng như sau:

- Bê tông hóa đường giao thông nội bộ, bố trí cây xanh ở khu vực phía trước cơ sở để hạn chế bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;
- Tưới ướt sân đường bên ngoài vào những ngày nắng nóng nhằm hạn chế tác động của bụi phát sinh từ các phương tiện ra vào cơ sở;
- Bố trí khu vực đậu xe, sắp xếp thời gian giao hàng hợp lý tránh tình trạng tập trung nhiều xe giao hàng cùng một thời điểm;
- Xe vận chuyển hàng hóa chuyên chở không vượt quá tải trọng quy định và phải được kiểm định định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo xe vận chuyển hoạt động trong tình trạng tốt;
- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh nhà kho, bố trí kho chứa ngăn nắp, tiện lợi cho công tác nhập xuất, hàng hóa;
- Đối với máy phát điện dự phòng: sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

- Thành phần và khối lượng phát sinh: khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 6,4 kg/ngày, tương đương khoảng 192 kg/tháng; với thành phần phát sinh bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, vỏ trái cây, rau, củ, quả,…

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: bố trí 01 thùng chứa CTRSH để thu gom và lưu chứa CTRSH hàng ngày, loại 240 lít, có nắp đậy, chất liệu bằng nhựa HDPE. Thùng chứa CTRSH được bố trí bên ngoài cổng rào của cơ sở (khu vực tiếp giáp với đường Nguyễn Thiện Thành).

- Đơn vị thu gom và xử lý: cơ sở đã hợp đồng với Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh để thu gom, vận chuyển và xử lý khối lượng rác thải phát sinh tại cơ sở với tần suất 01 lần/ngày.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần và khối lượng phát sinh: CTRCNTT phát sinh chủ yếu là thùng giấy carton dư thừa, hư hỏng; giấy vụn văn phòng; các sản phẩm khuyến mãi của nhà cung cấp hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng,… với thành phần và khối lượng phát sinh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTRCNTT

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Carton dư thừa, giấy vụn	150	1.800
2	Các sản phẩm khuyến mãi của nhà cung cấp	16	192
Tổng cộng (1 + 2)		166	1.992

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTRCNTT: phân loại thành loại có thể tái chế và loại không tái chế.

  + Đối với loại có khả năng tái chế: bố trí khu vực chứa với diện tích khoảng 4,0 m^2; có kết cấu nền bê tông, mái che để lưu giữ loại có thể tái chế như thùng carton, giấy vụn và định kỳ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu (01 lần/tuần).

  + Đối với loại không thể tái chế: thu gom và lưu giữ trong khu chứa với diện tích khu chứa khoảng 4,0 m^2; có kết cấu nền bê tông, mái che, khi khối lượng phát sinh nhiều sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần và khối lượng phát sinh: CTNH phát sinh tại cơ sở có khối lượng khoảng 3,5 kg/năm; với thành phần bao gồm: bóng đèn hư hỏng, hộp mực in thải, pin thải.

*Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng phát sinh CT*NH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,5
2	Pin thải	Rắn	16 01 12	0,5
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	1,5
Tổng cộng (1 + 2 + 3)				**3,5**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:
  + Thu gom, lưu giữ CTNH trong các dụng cụ chứa và đặt trong khu vực kho chứa CTNH.
  + Bố trí khu vực kho chứa riêng biệt với diện tích khoảng 2,0 m^2, nền bê tông, có mái che.
  + Bố trí thùng chứa CTNH, số lượng 03 thùng, 02 thùng loại 120 lít và 01 thùng 20 lít, bằng nhựa PP, có nắp đậy, được dán nhãn để phân loại CTNH (02 thùng loại 120 lít chứa bóng đèn huỳnh quang thải và hộp mực in thải; thùng loại 20 lít để chứa pin thải).
  + Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa, khi đủ khối lượng chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động ra vào của các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào cơ sở. Một số công trình, biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung như sau:

- Các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải tắt máy trong thời gian chờ;
- Bố trí khu vực để xe hợp lý cho xe máy của khách hàng, công nhân viên, xe vận chuyển hàng hóa;
- Các phương tiện vận chuyển phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Tập huấn cho nhân viên về quy trình làm việc, an toàn lao động nhất là đối với nhân viên làm việc trong kho;
- Định kỳ kiểm tra, bảo trì các thiết bị, phương tiện vận chuyển theo đúng quy định, đảm bảo các phương tiện vận chuyển luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt nhất;
- Tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ số lượng thiết bị PCCC cơ bản tại các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ;
- Nghiêm cấm hút thuốc bên trong khu vực kho chứa, khi phát hiện có sai phạm sẽ có hình thức xử lý theo đúng quy định của công ty;
- Bố trí các thiết bị sử dụng điện hợp lý, cầu dao điện tuân thủ các biện pháp an toàn về điện;
- Phối hợp thường xuyên với lực lượng PCCC để tham gia các lớp tập huấn về PCCC và yêu cầu công nhân viên tuân thủ các quy định về PCCC;
- Trang bị bình chữa cháy, số lượng và khu vực bố trí theo bảng sau:

Bảng 3.4. Danh mục trang thiết bị PCCC tại cơ sở

Stt	Khu vực bố trí	Bình chữa cháy	Số lượng (Bình)
1	Khu vực kho chứa (được bố trí ở các cửa ra vào)	Bình bột có bánh xe, loại 35 kg	02
		Bình bột, loạt 8 kg	03
		Bình bột, loạt 6 kg	05
		Bình CO_2, loại 6 kg	07
2	Khu vực văn phòng	Bình bột, loạt 6 kg	01
		Bình CO_2, loại 6 kg	01

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên;
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: khoảng 1,92 m^3/ngày.đêm;
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý thoát ra nguồn tiếp nhận.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1.	pH	–	5 - 9
2.	BOD_5 (20^0C)	mg/l	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4.	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,0
5.	Amoni ($N\text{-}NH_4^+$)	mg/l	10
6.	Nitrat ($N\text{-}NO_3^-$)	mg/l	50
7.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
8.	Phosphat ($P\text{-}PO_4^{3-}$)	mg/l	10
9.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận:
  + Vị trí xả nước thải: tại kênh Tập Đoàn 1, tọa độ X(m) = 1097809; Y(m)= 594036 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30, múi chiếu 3^0), tại ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
  + Phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt, ven bờ.
  + Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Tập Đoàn 1.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.
- Giá trị giới hạn đối với thông số tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặt biệt	dBA	55	45
2	Khu vực thông thường	dBA	70	55

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở

Trong quá trình hoạt động tại cơ sở chưa thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, vì vậy chủ cơ sở đã kết hợp với đơn vị kiểm nghiệm là Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (Vimcerts 019) tiến hành lấy mẫu và phân tích để đánh giá kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo. Thành phần, khối lượng môi trường quan trắc tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1. Thành phần, khối lượng môi trường quan trắc tại cơ sở

Stt	Thành phần môi trường	Đơn vị tính	Số lượng	Ký hiệu mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Hệ tọa độ VN2000	
						X(m)	Y(m)
1	Nước mặt	Mẫu	01	NM	Kênh Tập Đoàn 1 phía sau cơ sở	1097724	594046
2	Môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở	Mẫu	01	KK1	Bên trong kho	1097736	594031
3	Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	Mẫu	01	KK2	Trước cổng cơ sở	1097724	594047

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B_1
1	pH	-	7,69	5,5-9
2	TSS	mg/L	20,00	50
3	BOD_5	mg/L	7	15
4	COD	mg/L	14	30
5	NH_4^+-N	mg/L	0,28	0,9
6	NO_3^--N	mg/L	0,07	10
7	PO_4^{3-}-P	mg/L	0,11	0,3
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	0,4
9	Coliform	MPN/100mL	$4,8 \times 10^2$	$7,5 \times 10^3$

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ, 2022)

*** Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, hàm lượng các thông số quan trắc trong môi trường nước mặt tại kênh Tập Đoàn 1 tiếp giáp phía sau cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B_1.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT[8]
1	Tiếng ồn	dBA	67,1	85 (*)
2	Tổng bụi lơ lửng	µg/m^3	114,16	8.000 (**)
3	SO_2	µg/m^3	87,49	5.000
4	NO_2	µg/m^3	49,27	5.000
5	CO	µg/m^3	4.448	20.000

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ, 2022)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số (*) so sánh theo QCVN 24:2016/BTNMT.

- Giá trị giới hạn của thông số (**) so sánh theo QCVN 02:2019/BYT.

*** Nhận xét:**

Qua kết từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn-Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, thời gian tiếp xúc 8 giờ; QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, giới hạn tiếp xúc ca làm việc và QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí *xung quanh và tiếng ồn*

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT[9]
1	Tiếng ồn	dBA	**72,0**	70 (*)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m^3	80,40	300
3	SO_2	µg/m^3	83,40	350
4	NO_2	µg/m^3	15,61	200

[8] QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
[9] QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT[9]
5	CO	µg/m^3	4.232	30.000

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Cần Thơ, 2022)

Ghi chú: Giá trị giới hạn của thông số (*) so sánh theo QCVN 26:2010/BTNMT.

*** Nhận xét:**

Qua kết từ bảng trên cho thấy, đa số các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Riêng thông số tiếng ồn do bị ảnh hưởng bởi hoạt động của các phương tiện giao thông trên đường Nguyễn Thiện Thành nên kết quả đo đạc vượt 1,03 lần so với giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

→ Nhìn chung, thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở còn khá tốt, các thông số quan trắc môi trường nước mặt của kênh Tập Đoàn 1 đều có giá trị nằm trong giới hạn theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B_1. Môi trường không khí bên trong và tiếng ồn và môi trường không khí xung quanh đảm bảo theo QCVN 24:2016/BTNMT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT và QCVN 05:2013/BTNMT. Riêng thông số tiếng ồn ở phía trước cổng cơ sở có giá trị vượt giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải tại cơ sở

Stt	Tên công trình xử lý	Kế hoạch thực hiện		Công suất dự kiến đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Công trình xử lý nước thải	01/02/2023	08/02/2023	1,92 m^3/ngày.đêm

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình *xử lý nước thải*

Nội dung	Thông số quan trắc	Vị trí thu mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất	Loại mẫu	Kế hoạch thực hiện
Mẫu nước thải đầu vào (NT_1)	pH; BOD_5; TSS, Sunfua (tính theo H_2S); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Phosphat (tính theo P); Dầu, mỡ ĐTV; Tổng Coliforms.	Hố gom	01	01 lần/ngày	Mẫu đơn	Lần 1, ngày 01/02/2023
Mẫu nước thải đầu ra (NT_2)	pH; BOD_5; TSS, Sunfua (tính theo H_2S); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Phosphat (tính theo P); Dầu, mỡ ĐTV; Tổng Coliforms.	Hố khử trùng	03	01 lần/ngày	Mẫu đơn	Lần 1, ngày 01/02/2023 Lần 2, ngày 02/02/2023 Lần 3, ngày 03/02/2023

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Tổ chức có đủ điều kiện quan trắc môi trường theo quy định dự kiến phối hợp thực hiện là Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (VIMCERTS 019) để tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường.

- Tên đơn vị: Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
- Địa chỉ: số 45, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Điện thoại: 0292 3830353
- Chứng nhận Vimcerts: Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26/10/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, số hiệu chứng nhận VIMCERTS 019.

Quá trình thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu thì đơn vị có chức năng quan trắc sẽ phối hợp với một số nhà thầu phụ để đảm bảo đầy đủ chức năng quan trắc môi trường theo quy định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải

a. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ

Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và khoản 2 Điều 97 của Nghị định 08/2022 ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ.

b. Chương trình quan trắc môi trường khác

Quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn:

- Vị trí: 01 mẫu tại khu vực phía trước cơ sở (KK);
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, NO_2, SO_2.
- Quy chuẩn so sánh:
  + QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
  + QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được chủ cơ sở trích từ kinh phí hoạt động của cơ sở.

Chi phí lấy mẫu, thử nghiệm các thông số quan trắc môi trường của cơ sở được thực hiện theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về ban hành bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Bảng 6.3. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở

Stt	Thông số quan trắc	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	262.620	2	525.240
2	CO	533.241	2	1.066.482
3	SO_2	895.978	2	1.791.956
4	NO_2	440.948	2	881.896
5	Tiếng ồn trước cổng cơ sở	127.110	2	254.220
Tổng cộng		**2.259.897**	2	**4.519.794**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký, 2022)

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

7.1. Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT của cơ sở

Trong năm 2022, cơ sở có tiếp đón 01 đoàn kiểm tra của UBND huyện Châu Thành về việc chấp hành pháp luật BVMT. Theo kết luận trong Biên bản kiểm tra ngày 21/10/2022, cơ sở còn tồn tại một số nội dung liên quan đến công tác BVMT như sau:

- Cơ sở hiện đang hoạt động và chưa có hồ sơ về môi trường.
- Việc quản lý xử lý rác thải nguy hại chưa tuân thủ theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Đất xây dựng chưa phù hợp với mục đích sử dụng.

7.2. Biện pháp khắc phục

Qua kết quả kiểm tra, chủ cơ sở tiến hành khắc phục những nội dung còn tồn tại như sau:

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cấp huyện gửi về UBND huyện Châu Thành xem xét và cấp phép theo quy định.
- Bố trí khu vực chứa CTNH, trang bị thùng chứa theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Xây dựng lộ trình và cam kết chuyển đổi mục đích sử dụng phần đất còn lại đã xây dựng chưa đúng với mục đích sử dụng sang đất ở tại nông thôn, dự kiến thời gian chuyển đổi là 05 năm (từ năm 2023-năm 2027).

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký xin cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ: KHO BỒI KÝ

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

CHỦ CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ
35

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2100620868

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 04 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KỲ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 41, Nguyễn Thiện Thành, Ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *01259800888* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGÔ CẨM VINH Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *1977* Dân tộc: *Hoa* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *334006806*

Ngày cấp: *12/08/2010* Nơi cấp: *CA tỉnh Trà Vinh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 96, Khóm 10, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 96, Khóm 10, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ CẨM VINH Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *1977* Dân tộc: *Hoa* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *334006806*

Ngày cấp: *12/08/2010* Nơi cấp: *CA tỉnh Trà Vinh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 96, Đồng Khởi, Khóm 10, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 96, Đồng Khởi, Khóm 10, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Hoàng Đô

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
"Kèm theo GCN này có trang bổ sung số 01."	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

2939512029582

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: NGÔ CẨM VINH
Năm sinh: 1977, CMND số: 334006806
Địa chỉ thường trú: Số 96, Đường Đồng Khởi, Khóm 10, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

BU 142193

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 889 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh

c) Diện tích: 200 m^2, (bằng chữ: Hai trăm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 200 m^2; chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở:

a) Địa chỉ: Như địa chỉ thửa đất

b) Diện tích xây dựng: 199 m^2, c) Diện tích sàn: 199 m^2

d) Kết cấu: Nhà tường gạch, khung cột BTCT, mái tol, kéo thép hình, nền láng xi măng, gạch men, không đóng trần

đ) Cấp (Hạng): Cấp 4 , e) Số tầng: 01

g) Năm hoàn thành xây dựng: 2011 , h) Thời hạn sở hữu: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

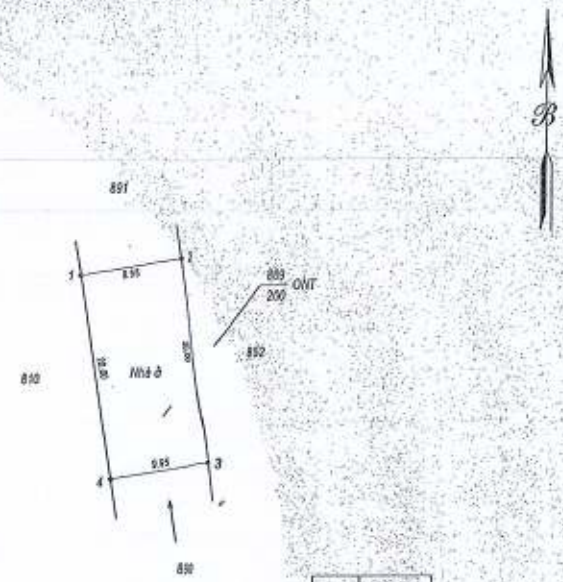

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	10.00
2 - 3	20.00
3 - 4	10.00
4 - 1	20.00

Châu Thành, ngày 13 tháng 6 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH03839

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực: 8887 Quyển: 02 Ngày 18 tháng 6 năm 2018 TM. UBND PHƯỜNG 2 CHỦ TỊCH Lê Thị Lý	

ĐÃ THU LỆ PHÍ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

"Kèm theo GCN này có trang bổ sung số: 01"

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

29395120203 19

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: NGÔ CẨM VINH

Năm sinh: 1977, CMND số: 334006806

Địa chỉ thường trú: số 96 khóm 10, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BH 393000

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 890 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh

c) Diện tích: 311 m², (bằng chữ: Ba trăm mười một mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 311 m²; chung: Không m²

đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước

e) Thời hạn sử dụng: 23/12/2015

g) Nguồn gốc sử dụng: Công Nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Thửa phát sinh

Thửa đất có 131,0m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường bộ, 67,0m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn cầu

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	10,00
2 - 3	30,55
3 - 4	10,11
4 - 1	31,80

Tỷ lệ : 1/1000

Châu Thành, ngày 18 tháng 9 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH02619

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 23 tháng 12 năm 2065 CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực: 2879 Quyển: 5 Ngày 24 tháng 12 năm 2018 TM. UBND PHƯỜNG 2 Lê Thị Lý	26/10/2017 GIÁM ĐỐC Phan Hải Âu

ĐÃ THU LỆ PHÍ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

"Kèm theo GCN này có trang bổ sung số ..."

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

293951 2020319

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: NGÔ CẨM VINH
Năm sinh: **1977**, CMND số: **334006806**
Địa chỉ thường trú: số 96 khóm 10, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

BH 411001

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: **891** , tờ bản đồ số: **39**

b) Địa chỉ: ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh

c) Diện tích: 835 m^2, (bằng chữ: Tám trăm ba mươi lăm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 835 m^2; chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước

e) Thời hạn sử dụng: 23/12/2015

g) Nguồn gốc sử dụng: Công Nhận QSD đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

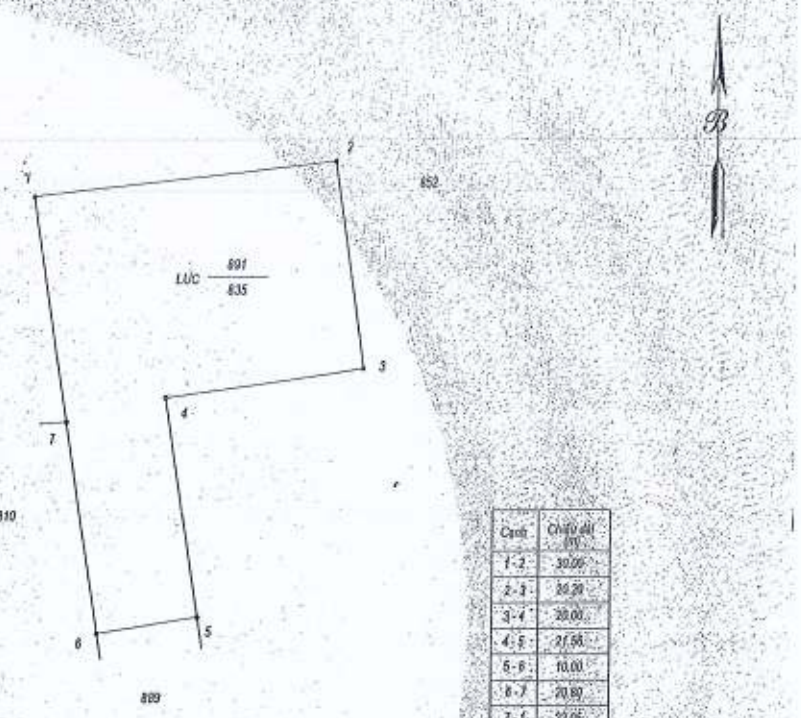

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	30.00
2-3	30.20
3-4	28.00
4-5	27.50
5-6	10.00
6-7	20.80
7-1	22.05

Tỷ lệ : 1/500

Châu Thành, ngày 18 tháng 9 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH02620

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 23 tháng 12 năm 2065	26/10/2017 GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Phan Hải Âu

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: ... Quyển: 5
Ngày ... tháng 6 ... năm 2018
TM. UBND PHƯỜNG 2
CHỦ TỊCH
Lê Thị Lý

ĐÃ THU LỆ PHÍ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

29395160 40326

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: TRẦN THỊ TỶ PHƯỢNG
Năm sinh: **1959**, CMND số: **334325924**
Địa chỉ thường trú: Khóm 1, Phường 3, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Ông: NGUYỄN MINH ĐỨC
Năm sinh: **1954**, CMND số: **334150954**
Địa chỉ thường trú: Khóm 1, Phường 3, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

CC 424767

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 964 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: ấp Trì Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

c) Diện tích: 574m², (bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bốn mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất ở 85m², đất chuyên trồng lúa nước 489m²

e) Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài; Đất chuyên trồng lúa nước: sử dụng đến ngày 23/12/2065

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 85m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 489m²

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Thửa đất có 82m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường Nguyễn Thiện Thành

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

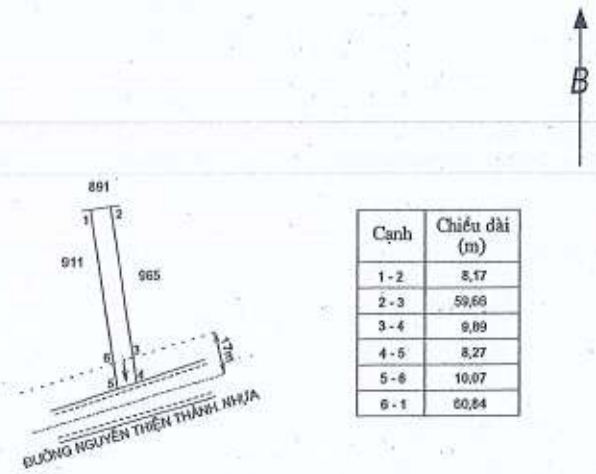

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	8,17
2 - 3	59,66
3 - 4	9,89
4 - 5	8,27
5 - 6	10,07
6 - 1	60,84

Trà Vinh, ngày 17 tháng 2 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Hôn

Số vào sổ cấp GCN: CS05807

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển nhượng cho Ông NGÔ VĂN HÒA, Sinh năm: 1943, CMND số: 334499117, địa chỉ thường trú: Số 96, Khóm 10, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; theo hồ sơ số 053666.CN.001	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Bùi Thị Nguyệt

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 911 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh

c) Diện tích: 428 m², (bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 428 m²; chung: Không m²

đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 90,0 m², - Đất chuyên trồng lúa nước 338,0 m²

e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất chuyên trồng lúa nước: 23/12/2015

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 90,0,0m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 338,0m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Thửa đất có 99,0m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

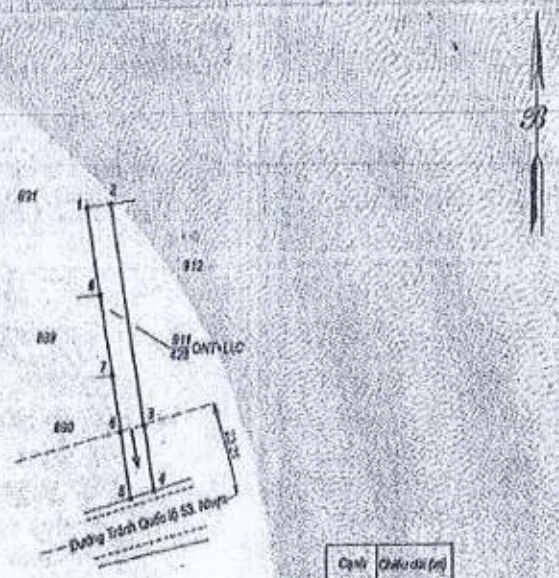

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	6.00
2 - 3	64.50
3 - 4	16.35
4 - 5	6.00
5 - 6	16.50
6 - 7	13.83
7 - 8	20.00
8 - 1	21.50

Châu Thành, ngày 22 tháng 9 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Diều

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 23 tháng 12 năm 2065 (đối với loại đất LUC)	26/10/2017 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Phan Hải Âu

Số vào sổ cấp GCN: CH04126

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 911 , tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: ấp Trì Phong, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Trà Vinh

c) Diện tích: 428 m², (bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 428 m²; chung: Không m²

đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 90,0 m², - Đất chuyên trồng lúa nước 338,0 m²

e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất chuyên trồng lúa nước: 23/12/2015

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 90,0,0m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 338,0m²

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Thửa đất có 99,0m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

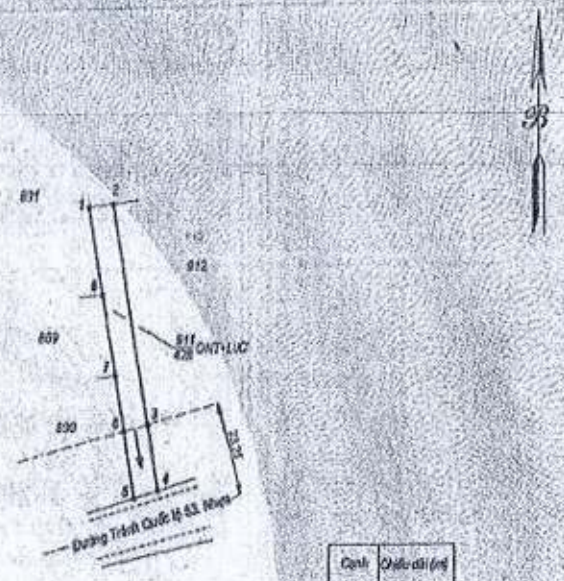

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	0.00
2 - 3	54.50
3 - 4	16.35
4 - 5	6.05
5 - 6	16.50
6 - 7	13.23
7 - 8	20.00
8 - 1	21.56

Châu Thành, ngày 22 tháng 9 năm 2014

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH04126

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 23 tháng 12 năm 2065 (đối với loại đất LUC)	26/10/2017 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Phan Hải Âu

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH
ĐOÀN KIỂM TRA
(Theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND huyện)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 21 tháng 10 năm 2022

BIÊN BẢN
Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra thực tế tại dự án/cơ sở:.....
.....Công ty TNHH MTV Vinh Mai Kỳ (Bến Kỳ).....

- Thời gian: từ 14 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 10 năm 2022
- Địa điểm: Ấp Phú Phong, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1.1. Thành viên có mặt:

Ông/bà: Nguyễn Trọng Khâm — Chức danh: Trưởng Đoàn kiểm tra
Ông/bà: Nguyễn Quốc Chinh — Chức danh: Thành viên
Ông/bà: Nguyễn Thanh Phong — Chức danh: Thành viên
Ông/bà: Thạch Trúc Van — Chức danh: Thành viên
Ông/bà: Lê Hoa Nam — Chức danh: Thành viên
~~Ông/bà: Nguyễn Hoàng Huấn~~ — Chức danh: Thành viên
Ông/bà: Mai Quốc Thái — Chức danh: CB địa chính xã Hòa Lợi
Ông/bà:..... Chức danh:.....

1.2. Thành viên vắng mặt:

Ông/bà: Phan Diễm Thi — Chức danh:.....
Lý do vắng mặt: .....
Ông/bà: Nguyễn Hoàng Huấn — Chức danh:.....
Lý do vắng mặt: .....

II. Đại diện chủ dự án/cơ sở:

Ông Ngô Cẩm Vinh — Giám đốc Cty

- Với sự tham gia của:

.....

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án/cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Thông tin dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Vinh Mai Kỳ

Địa chỉ trụ sở: Q. Hồng Bàng

.....

SĐT liên hệ chủ dự án/chủ cơ sở: 0859600888

Tổng mức đầu tư: 3 tỷ đồng

Loại hình hoạt động: Thương mại, phân phối hàng hóa logistic

Quy mô, công suất: .....

Công nghệ sản xuất của cơ sở: phân phối hàng hóa bao gồm ngũ cốc, thực phẩm, sữa chua, trà bột, mứt)

Đã có hồ sơ, giấy phép môi trường: Chưa có hồ sơ môi trường, đang hoạt động, Diện tích xây dựng 1000 m2

.....

Diện tích đất sử dụng: 120m2, *số thửa* ...., *tờ bản đồ* .....

Hình thức (thuê/đất nhà): Đất thuê

Số lượng công nhân hiện tại: 17 *người.*

Tình trạng hoạt động của cơ sở:

+ Chưa hoạt động, đang thi công xây dựng: .....

+ Đang hoạt động: ✓

Thời gian vào hoạt động: từ tháng ..... *năm* 2017 *đến nay.*

2. Xử lý nước thải:

Nước mưa chảy tràn (có hay không có thu gom vào hệ thống thu gom): Thu gom vào hệ thống nước mưa tập chung

Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng phát sinh: 02 *m3/ngày đêm; biện pháp xử lý (có hay không có qua hầm tự hoại?):* Có; *thể tích hầm tự hoại:* 8 *m3. Định kỳ thuê hút*

hầm/hầm tự thấm hay có điểm xả ra nguồn tiếp nhận nước thải: Thấm hết hầm

Nước thải sản xuất (nếu có):

Tổng lượng phát sinh: .....m3/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có xử lý):.....; công suất hệ thống/công trình xử lý nước thải: .....m3/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải: Không

Nguồn tiếp nhận nước thải: .....

3. Xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Nguồn phát sinh: Phát sinh ít, không đáng kể

Bụi: .....

Khói, khí thải: .....

Mùi hôi: .....

4. Tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh: Phát sinh ít, không đáng kể

Xử lý/giảm thiểu: .....

Hoạt động ban đêm (có hay không có): Không

Thời gian hoạt động trong ngày: 7h sáng - 17h chiều

5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng phát sinh : .....05 *kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định hoặc xử lý theo biện pháp khác):* Hợp đồng thu gom xử lý theo quy định

- Chất thải rắn công nghiệp:

Lượng phát sinh : .....10 *kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):* Thu gom bán phế liệu

6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại: Bóng đèn thải √ */dầu thải* /*pin thải* √ *mạch điện tử* √ */khác:*

Lượng phát sinh : .....05 *kg/năm. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):* Thuê chủ đầu tư thu gom xử lý

Kho lưu giữ (có hay không có): Không *Diện tích:* .....*m2.*

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

.....

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

.....

.....

.....

V. Kết luận:

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, xác định dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Công ty Nước thải hãy lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đăng ký môi trường tại UBND cấp xã:

.....

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại dự án/cơ sở:

Đề nghị Công ty TNHH MTV Vinh Mai tự thực hiện các nội dung sau:

Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện gửi đến UBND huyện Chợ Thủ xem xét, cấp xác nhận theo quy định trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản làm việc.

Quản lý, xử lý bùn thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT (Một số bể chứa thải, pin thải, mực in thải)

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở, không gây ô nhiễm xung quanh khu dân cư, đặc biệt không mùi thối

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Thống nhất ý kiến trên

Biên bản được lập vào hồi 15 giờ 5 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/ CƠ SỞ	THÀNH VIÊN ĐOÀN GIA	TRƯỞNG ĐOÀN
Lê Thị Nga	Lê Hồng Hải	Nguyễn Thanh Phong

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Thống nhất ý kiến trên

Biên bản được lập vào hồi 15 giờ 5 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/ CƠ SỞ	THÀNH VIÊN ĐOÀN GIA	TRƯỞNG ĐOÀN
Lê Thị Nga	Lê Hồng Hải	Nguyễn Thanh Phong

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ: KHO BỒI KÝ

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHỦ CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ
36

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TC ĐL CL CẦN THƠ

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số :...
Trang :...

c1.Nơi Y/C lấy mẫu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT.....2.Địa chỉ:. 363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.TV, tỉnh Trà V...

3. Mục đích lấy mẫu: ☑ YC khách hàng; ☐ Chương trình GS 4.Phương pháp lấy mẫu và bảo quản: Hướng dẫn quan trắc 5.7

5. Chỉ tiêu phương pháp thử nghiệm: Xem phiếu YCTN số: 3121.....

6.Thời gian và địa điểm lấy mẫu: Từ ..14...h..20... đến ..15....h..00... ngày ...17.../.11..../2022 tại Kho Bồi ký- Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh - Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký

7. Thiết bị quan trắc: ☑ Máy ồn Rion NL21, 42, ☑ Máy thu bụi HI-Q, ☑ Máy thu mẫu khí SKC, ☑ Máy Extech SD700, ☐ Testo 340, 350, ☐ Tecora G4, ☐ GPS Garmin, Máy đo HandyLap ☐ 100 ☐ 200, ☐ Máy đo DO-HQ40D, ☐ Máy đo độ đục, ☐ Máy đo độ rung, ☐ Thiết bị đo lưu tốc, ☐ Dụng cụ thu mẫu nước, ☐ Dụng cụ thu mẫu đất, ☐ TB khác .....

8. Điều kiện lấy mẫu: + Đặc điểm thời tiết: Trời nắng ☑; Trời mưa ☐; Nước lớn ☐; Nước ròng ☐; Đặc điểm khác: .....

+ Điều kiện sản xuất: Hoạt động bình thường ☑; Ngừng hoạt động ☐; Điều kiện khác:.....

STT	Tên mẫu/Kí hiệu	Vị trí thu mẫu*	Tọa độ địa lý	Độ ồn	Vận tốc nước	H (m)	D (m)	Áp suất	Nhiệt độ	Độ ẩm	Độ rung	TDS	pH	DO	Độ đục	EC	Độ mặn	ORP	Ánh sáng	Tốc độ gió
1	Không khí 1	Mẫu bên trong kho	9°55'31,35"	67,1				1009,1	32,0	61,2										
			106°21'33,31"	67,1				1009,1	32,0	61,2										
				67,1				1009,1	32,0	61,2										
2	Không khí 2	Trước cổng cơ sở (trên đường Nguyễn Thiện Thành)	9°55'31,534"	72,0				1008,9	33,8	57,6										
			106°21'33,38"	72,0				1008,9	33,8	57,6										
				72,0				1008,9	33,8	57,6										
3	Nước mặt	tại kênh phía sau cơ sở	9°55'34,12"						32,1				7,65							
			106°21'35,12"						32,1				7,67							
									32,1				7,70							
4																				
5																				

~~8.Lưu lượng, thời gian thu mẫu: ☑ SO_2: 1L/p; 30 phút; ☑ NO_2: 0,5L/p; 30 phút; ☐ NH_3: 0,5L/p; 30 phút; ☐ H_2S: 1L/p; 40 phút; ☐ HF: 1L/p; 20 phút; ☐ VOC, C_nHm: 0,2L/p; 25 phút;~~
☐ Cl_2: 1L/p; 30 phút;: ☐ Bụi chì: 100L/p; 20 phút; ☐ CH_3SH, Napthalene: 0,2L/p; 50 phút; ☐ H_2SO_4, H_3PO_4: 1,5L/p; 20 phút; ☐ HCl, HBr, HNO_3: 2L/p; 20 phút; ☐ Kyanua: 1L/p; 2 giờ; ☐ Acetaldehyde: 0,05L/p; 20 phút; ☐ Cloroform: 0,2L/p; 20 phút; ☐ Asen: 2L/p; 4 giờ; ☐ Thủy ngân: 0,2L/p; 20 phút; ☐ Kim loại: 2L/p; 20 phút; ☐ Phenol: 0,1L/p; 20 phút; ☐ O_3: 3L/p; 30

	Quan trắc viên	Trưởng nhóm quan trắc	Đại diện cơ sở	Đại diện Cty Đất Việt	
Chữ ký :					
Họ và tên :					
Chức vụ:		Trần Nhật Minh	NGƯỜI GIAM SÁT	Nguyễn Thị Mỹ Nhiên	

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:7749/MT/2121/1122

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)(1)

Ngày: 29/11/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 1 (Mẫu bên trong kho)
Tọa độ: $9^0$55'31,35"/$106^0$21'33,89"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 17/11/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được hấp thụ bằng dung dịch và đo tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/11/2022 đến 27/11/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2121
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 14h20 - 15h00 ngày 17/11/2022 tại Kho Bồi Ký - Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký (Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m³	TCVN 5067:1995	114,16
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-1:2010	67,1
3	Hàm lượng SO_2	µg/m³	TCVN 5971:1995	87,49
4	Hàm lượng NO_2	µg/m³	TCVN 6137: 2009	49,27
5	Hàm lượng CO	µg/m³	HD 15 - MT-3.7.2	4.448

Ghi chú: (1) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019).

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Chí Tâm

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:7750/MT/2121/1122

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)[1]

Ngày: 29/11/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 2 (Trước cổng cơ sở, trên đường Nguyễn Thiện Thành)
Tọa độ: $9^0$55'31,53"/$106^0$21'33,39"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 17/11/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được hấp thụ bằng dung dịch và đo tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/11/2022 đến 27/11/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2121
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 14h20 - 15h00 ngày 17/11/2022 tại Kho Bồi Ký - Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký (Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m³	TCVN 5067:1995	80,40
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-1:2010	72,0
3	Hàm lượng SO_2	µg/m³	TCVN 5971:1995	83,40
4	Hàm lượng NO_2	µg/m³	TCVN 6137: 2009	15,61
5	Hàm lượng CO	µg/m³	HD 15 - MT-3.7.2	4.232

Ghi chú: [1] được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019).

KT. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Chí Tâm

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:7751/MT/2121/1122

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
(Phòng thử nghiệm được chỉ định)[1]

Ngày: 29/11/2022
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt (Tại kênh phía sau cơ sở)
Tọa độ: $9^0$55'34,10"/$106^0$21'33,12"
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 17/11/2022
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 17/11/2022 đến 27/11/2022
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**
363 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 8, Phường 7, TP.Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
7. Lưu mẫu : Không ☑ Có ☐ Đến ngày: .....
8. Lấy mẫu,TN tại hiện trường : xem biên bản lấy mẫu thử nghiệm tại hiện trường số 2121
   - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
   - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
   - Thời gian và địa điểm: Từ 14h20 - 15h00 ngày 17/11/2022 tại Kho Bồi Ký - Công ty TNHH MTV Vinh Mai Ký (Đường Nguyễn Thiện Thành, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,69 (tại 30,1°C)
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	20,00
3	Hàm lượng BOD_5 (ở 20^0C)	mg/L	SMEWW 5210D:2017	7
4	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14
5	Hàm lượng Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	0,28
6	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2017	0,07
7	Hàm lượng Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,11
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL = 0,02)
9	Coliform	MPN/100mL	TCVN6187-2:1996	4,8 x 10^2

Ghi chú: [1] được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Quyết định số 2376/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

KT. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Nguyễn Chí Tâm

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THU MẪU MÔI TRƯỜNG NỀN

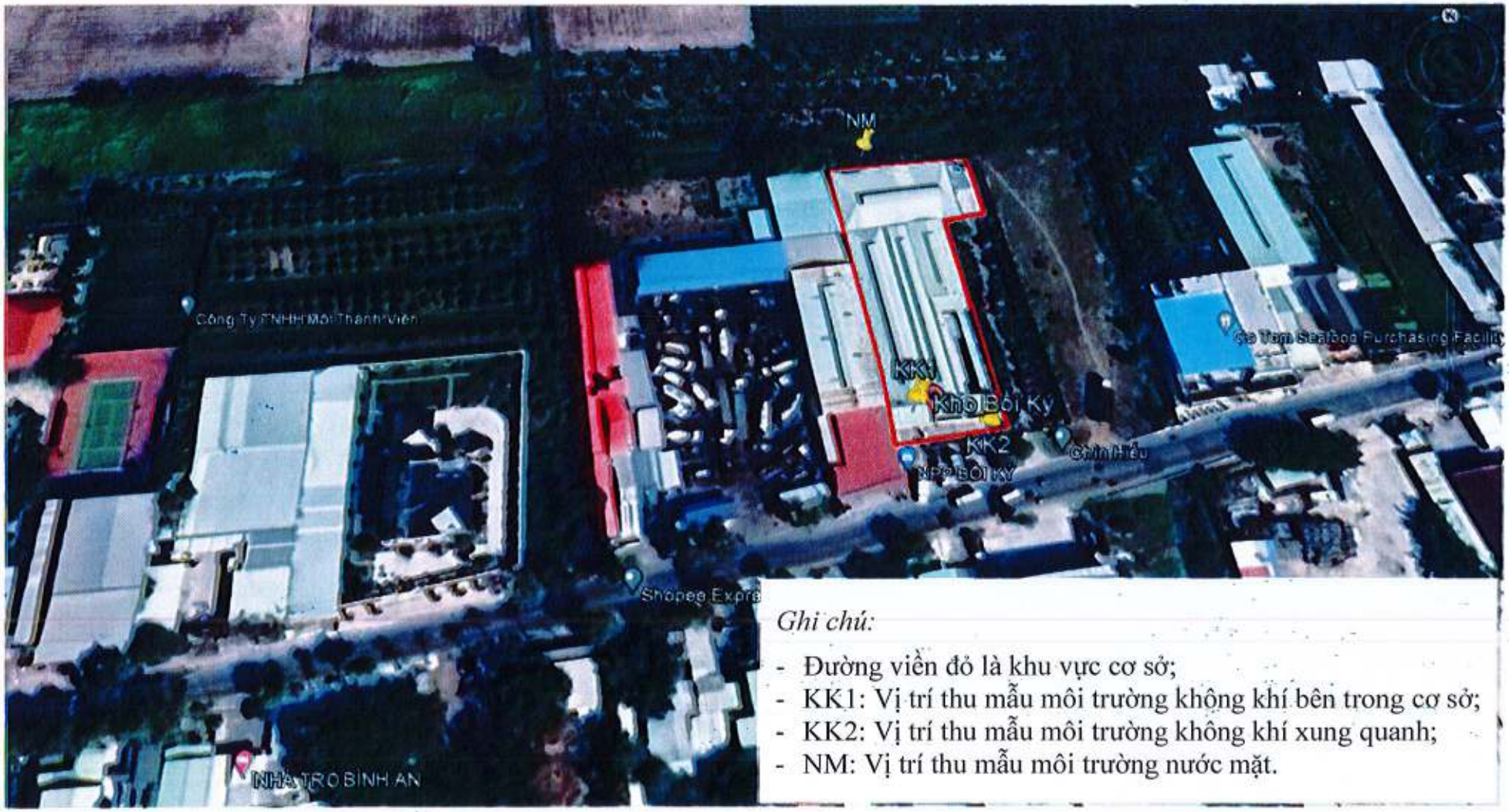

Ghi chú:

- Đường viền đỏ là khu vực cơ sở;
- KK1: Vị trí thu mẫu môi trường không khí bên trong cơ sở;
- KK2: Vị trí thu mẫu môi trường không khí xung quanh;
- NM: Vị trí thu mẫu môi trường nước mặt.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 019

(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ

Trụ sở chính:

Số 45 đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Quyết định số 2376 /QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Huỳnh Nguyễn Bảo Loan Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 092174002346 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21 tháng 8 năm 2018

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 26 tháng 10 năm 2020

Đến ngày 25 tháng 10 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 04 thông số	Đo tại hiện trường: 10 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 04 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 03 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
2. Khí		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 31 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 29 thông số	Đo tại hiện trường: 11 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Bùn thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	41 thông số
- Nước dưới đất:	44 thông số
- Nước mưa:	11 thông số
- Nước biển:	27 thông số
- Nước thải:	41 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	26 thông số
- Khí thải:	25 thông số
3. Đất:	17 thông số
4. Trầm tích:	11 thông số
5. Bùn thải:	15 thông số
6. Chất thải rắn:	15 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 2376 /QĐ-BTNMT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung

tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với đối với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ"**, địa chỉ tại Số 45 đường 3 tháng 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **019/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 019**) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 0...2...7...5 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày 02-02-2021
CHỦ TỊCH
Trần Hồng Tuyết Trân

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT Cần Thơ;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ: KHO BỒI KÝ

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

CHỦ CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ
37

KÍ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÍ HIỆU	CHÚ THÍCH
01	NKHU VỰC VĂN PHÒNG-PHÒNG NGỦ	03	KHU VỰC PHÒNG HỌP
02	KHU VỰC NHÀ KHO	04	NHÀ ĐỂ XE MÁY
05	KHU VỰC CHỨA CTNH	06	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI
07	KHU VỰC CHỨA CTRTT	NBV	NHÀ BẢO VỆ

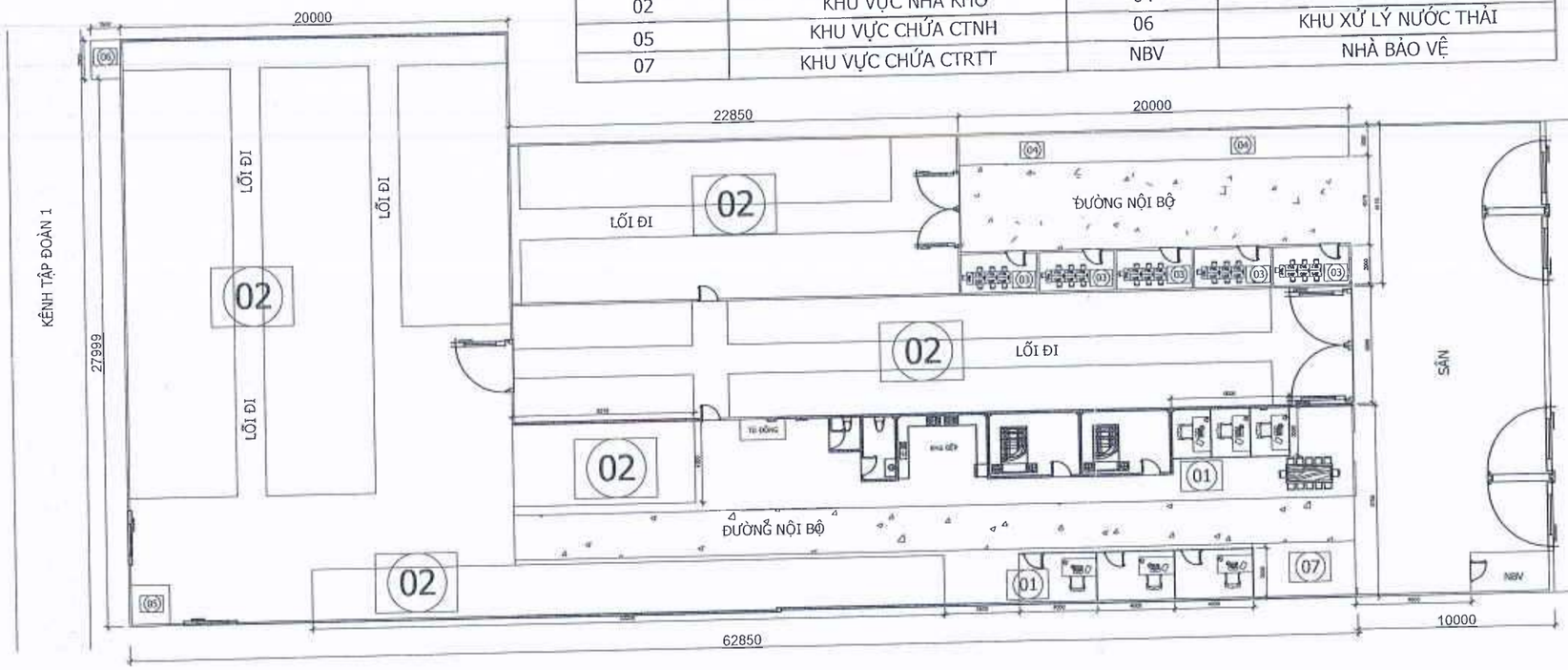

ĐƯỜNG NGUYỄN THIỆN THÀNH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT

A : CHẤP THUẬN
B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN
C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU

KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ

KHO BỒI KÝ

HẠNG MỤC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

GIÁM ĐỐC:

Người kiểm		
Triển khai		

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ: NPP-BK
NGÀY:...../...../2022	
LẦN PHÁT HÀNH:	

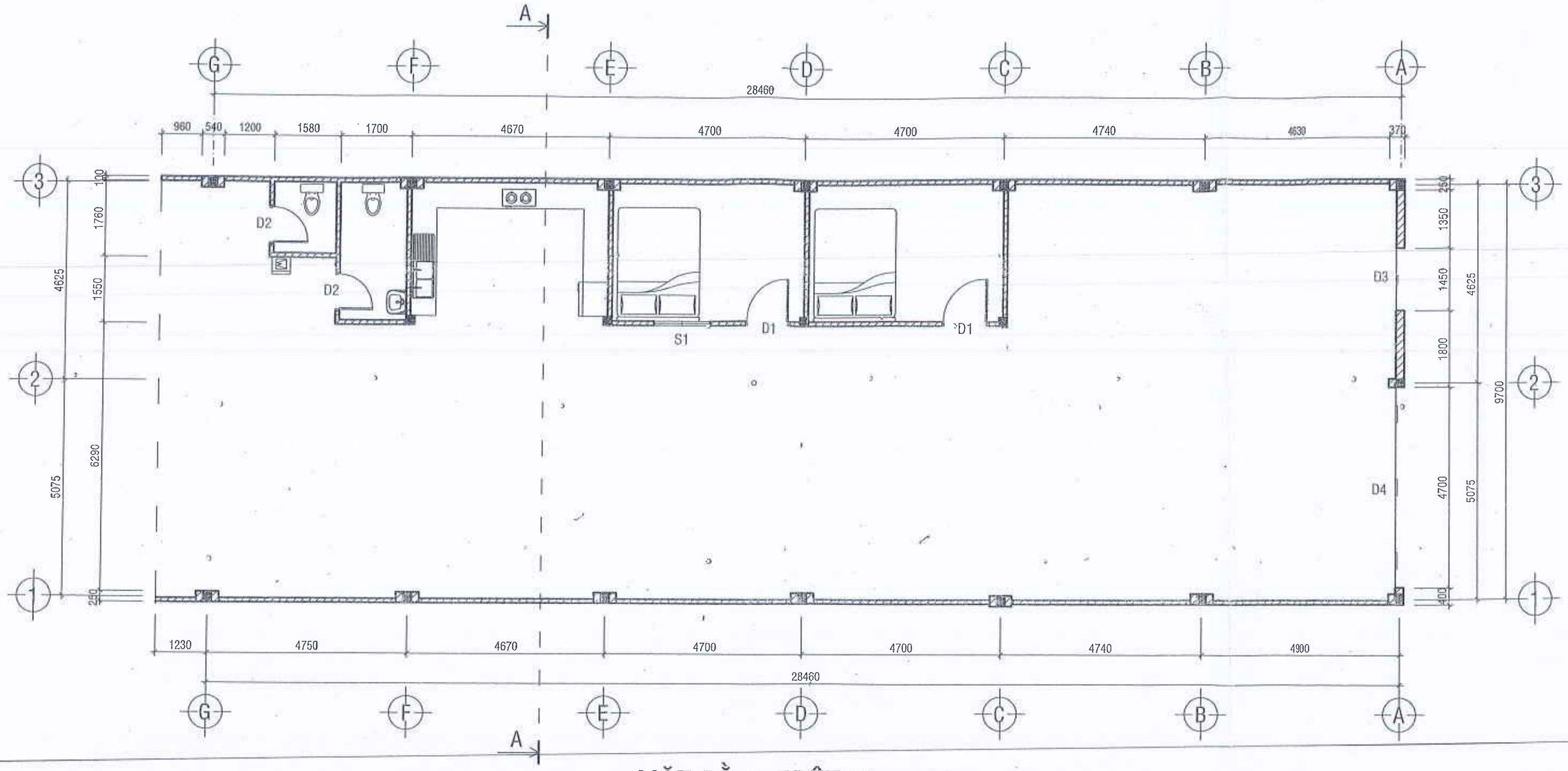

MẶT BẰNG TRỆT TL 1/100

GHI CHÚ:

- MÁI LỢP TOL SÓNG VUÔNG CÓ TẤM CÁCH NHIỆT
- VÌ KÈO BẰNG THÉP HÌNH KHẨU ĐỘ 9m
- KHUNG CỘT BẰNG BTCT ĐÁ 1x2 MÁC 200
- TƯỜNG XÂY GẠCH ỐNG DÀY 100 MÁC 75
- NỀN BT ĐÁ 4x6 MÁC 100, LÁNG VỮA XM MÁC 75 DÀY 30, TRONG PHÒNG NGỦ - BẾP - WC LÓT GẠCH MEN
- CỬA ĐI BẰNG KHUNG NHÔM KÍNH(D1: 1100x2550mm - Ô KÍNH CHẾT: 350x1100mm(2 BỘ))
- CỬA VỆ SINH (D2: 900x2200(2 BỘ))
- CỬA CHÍNH BẰNG SẮT CUỐN (D4: 4700x4750 (1 BỘ))
- CỬA PHỤ BẰNG SẮT CUỐN (D3: 1450x2400 (1 BỘ))
- CỬA SỔ BẰNG KHUNG NHÔM KÍNH (S1: 1300x1560mm(1 BỘ))
- TƯỜNG TRONG, NGOÀI SƠN NƯỚC MÀU XANH

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH PHÒNG CÔNG THƯƠNG	CÔNG TRÌNH: NHÀ Ở GIA ĐÌNH CHỦ HỘ: NGÔ CẨM VINH ĐỊA CHỈ: ẤP TRÌ PHONG, XÃ HÒA LỢI, H. CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH	BVHT KT01 04
	MẶT BẰNG TRỆT - GHI CHÚ	HT: 05/2014
KIỂM TRA	CHỦ HỘ	

Ghi chú:

T1: Điểm thoát nước mưa 1

T2: Điểm thoát nước mưa 2

Hố lắng nước mưa

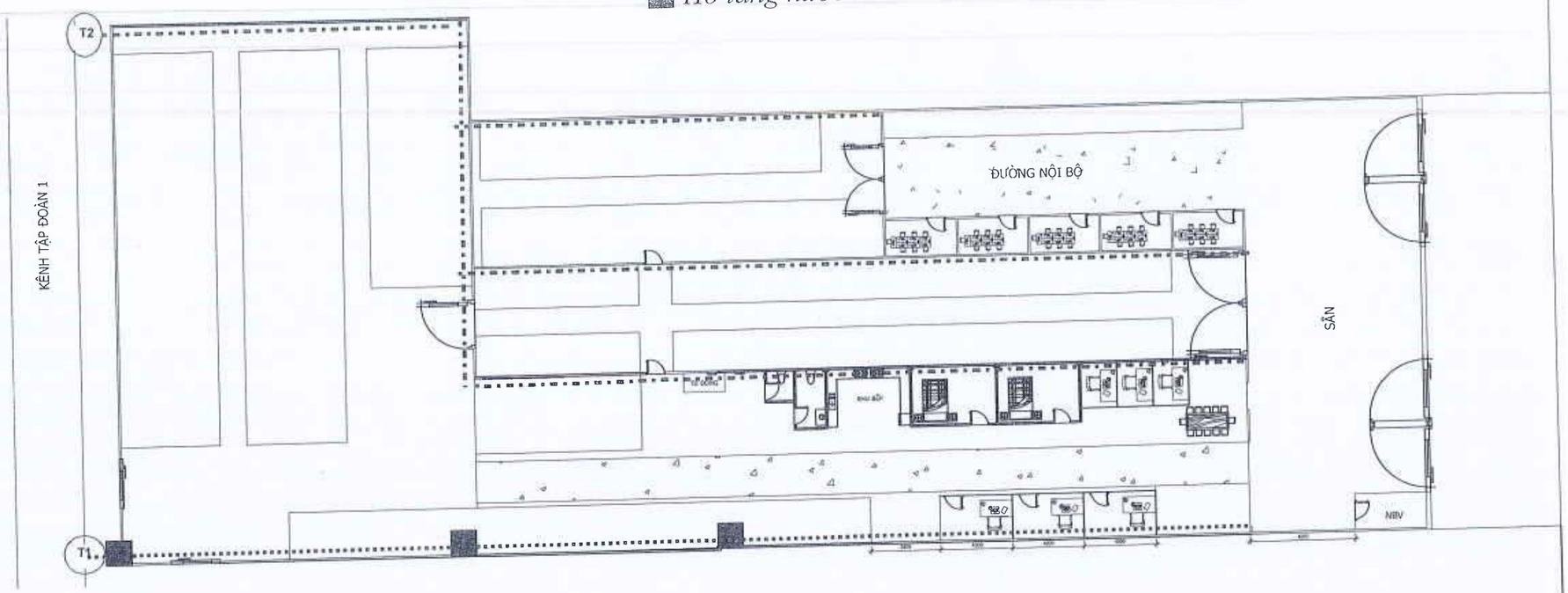

ĐƯỜNG NGUYỄN THIỆN THÀNH

MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT

A : CHẤP THUẬN

B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN

C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU

KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ

KHO BỒI KÝ

HẠNG MỤC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

GIÁM ĐỐC:

Người kiểm		
Triển khai		

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA

TỶ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ: NPP-BK
NGÀY: ...../...../2022	
LẦN PHÁT HÀNH	

Ghi chú:

TT: Điểm thoát nước thải

Đường dẫn nước thải

Hố lắng nước thải

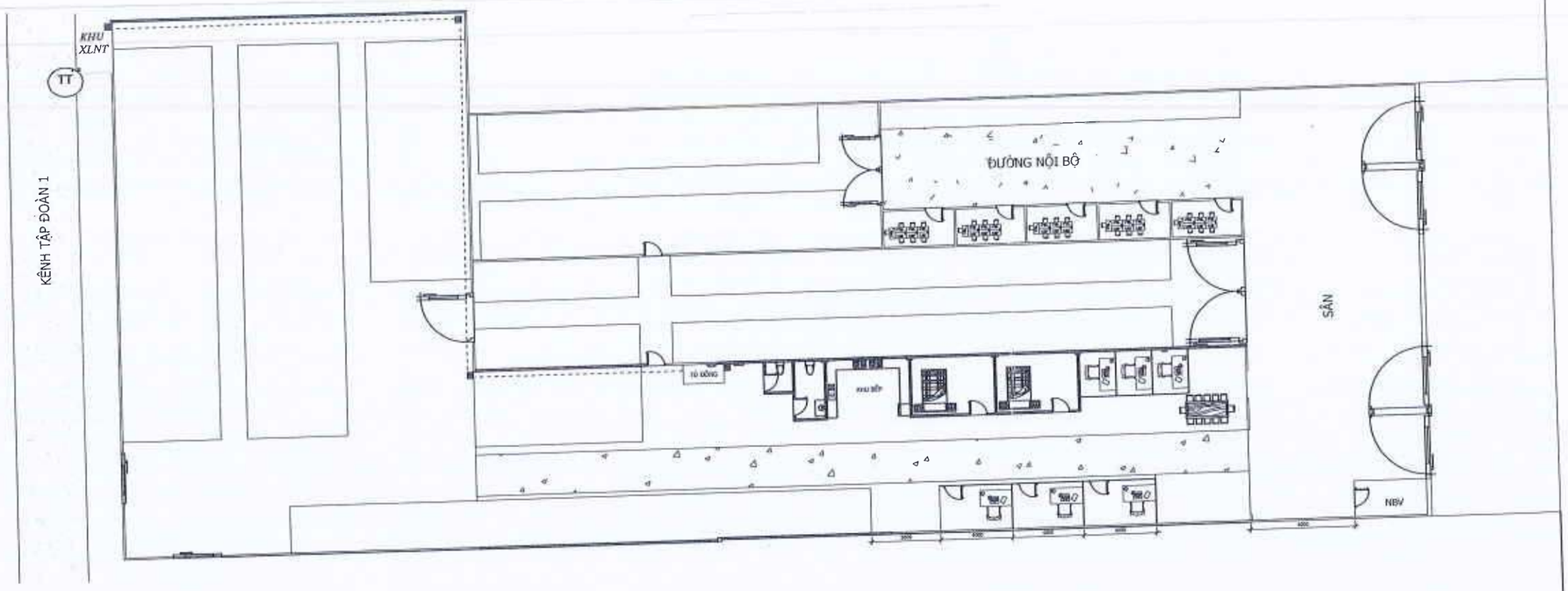

ĐƯỜNG NGUYỄN THIỆN THÀNH

MẠNG LƯỚI THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT
A : CHẤP THUẬN B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU

KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ

KHO BỒI KÝ

HẠNG MỤC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

GIÁM ĐỐC

Người kiểm		
Triển khai		

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI

TỶ LỆ:	KÍ HIỆU BẢN VẼ:
NGÀY:...../...../2022	NPP-BK
LẦN PHÁT HÀNH	

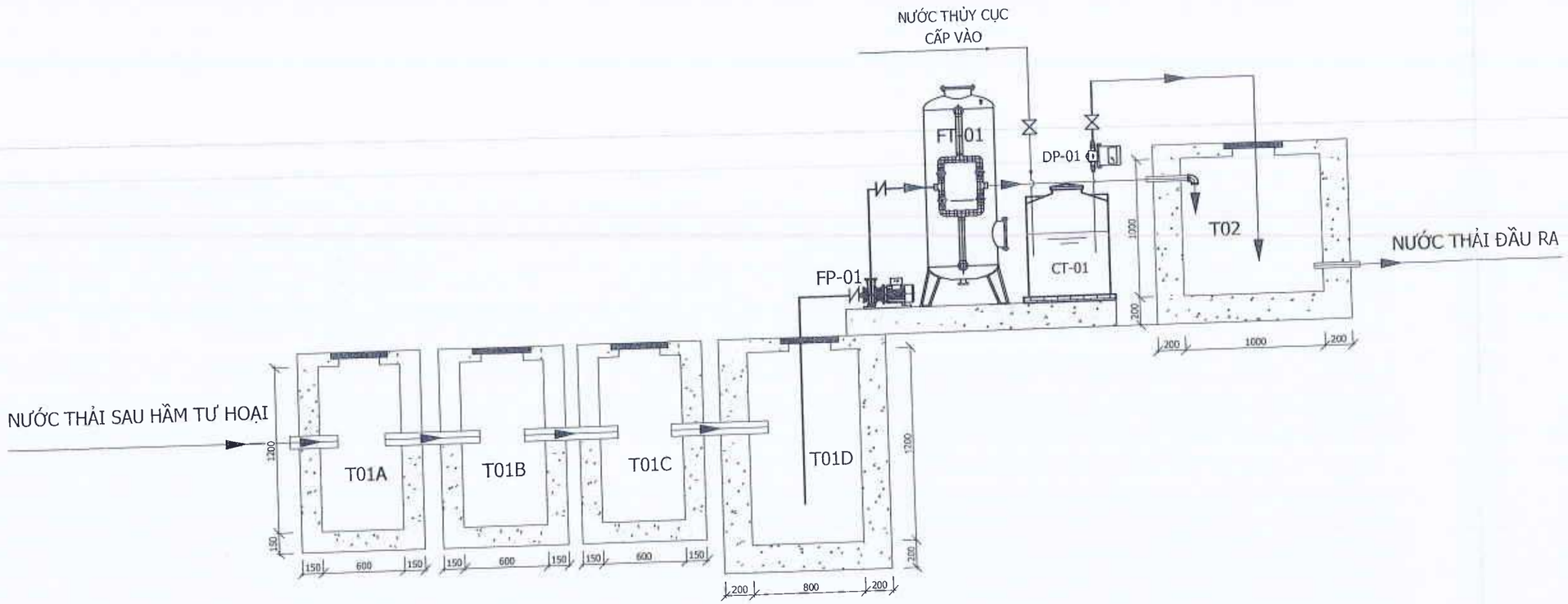

KÍ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÍ HIỆU	CHÚ THÍCH
T01A/B/C/D	HỐ LẮNG	CT-01	BỒN HOÁ CHẤT
T02	HỐ KHỬ TRÙNG	DP-01	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
FP-01	BƠM LỌC	FT-01	BỒN LỌC

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT

A : CHẤP THUẬN
B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN
C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU

KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ

BÔI KÝ

HẠNG MỤC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH VINH MAI KÝ

GIÁM ĐỐC:

Người kiểm		
Triển khai		

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT CỤM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ: NPP-BK
NGÀY:...../...../2022	
LẦN PHÁT HÀNH:	

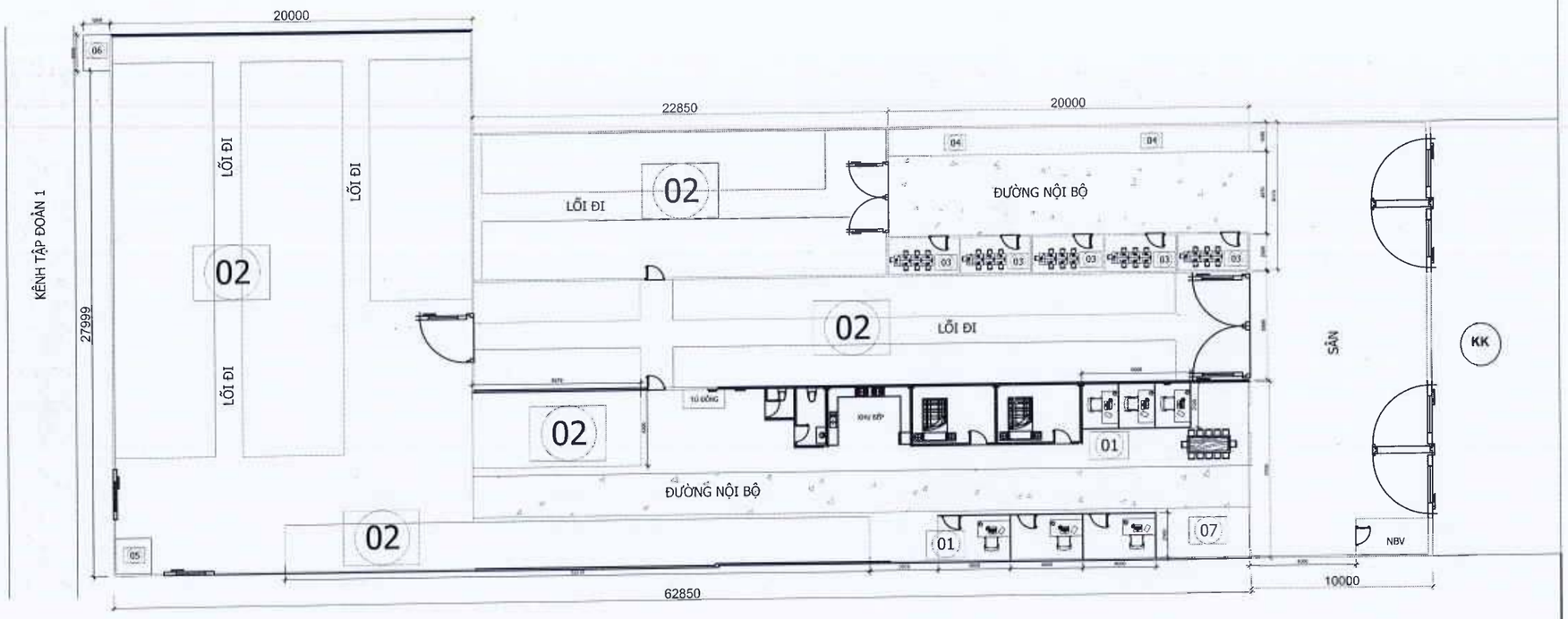

ĐƯỜNG NGUYỄN THIỆN THÀNH

Ghi chú:
KK: vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT

A : CHẤP THUẬN
B : CHẤP THUẬN CÓ Ý KIẾN
C : KHÔNG CHẤP THUẬN

BẢN VẼ THAM CHIẾU

KÍ HIỆU	TÊN BẢN VẼ	LẦN PHÁT HÀNH

CƠ SỞ

KHO BÒI KÝ

HẠNG MỤC

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH MTV VINH MAI KÝ

GIÁM ĐỐC:

Người kiểm		
Triển khai		

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

TỶ LỆ:

NGÀY:...../...../2022

KÝ HIỆU BẢN VẼ: NPP-BK

LẦN PHÁT HÀNH: